

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/DS-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V ; trụ sở: Tầng A, Tòa nhà R, Số A, đường Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Ông Lô Bằng G ủy quyền cho ông Lê Hiền T – Chức vụ Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm Thu hồi nợ - Khối Quản trị rủi ro - Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017).

Ông Lê Hiền T ủy quyền cho bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995; Trú tại: 26/11, khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2017). Có mặt.

Bị đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1984; trú tại: Ấp Lò Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) trình bày:

Vào ngày 17/8/2015, Ngân hàng V có ký Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033 để cho bà Thái Thị T vay số tiền 42.200.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.92%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 68.722.000 đồng, trả chậm trong 36 tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.909.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.907.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 20/9/2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng V 03 kỳ với tổng số tiền 5.727.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 10/01/2016 cho đến nay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng V nhắc nhở đến hạn thanh toán nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 54.271.545 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ tới hạn là 26.726.000 đồng (gốc 12.560.040 đồng, lãi 14.165.960 đồng) và khoản nợ gốc chưa đến hạn là 27.165.960 đồng.

Ngân hàng V đề nghị Tòa án không xác định Công ty Cổ phần Bảo hiểm A là đơn vị bán bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án vì trường hợp của bà T là phát hành thẻ nên không ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm A. Trong hồ sơ tín dụng của bà T cũng không có hợp đồng bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm A.

Trong Bản tự khai ngày 23/5/2017, bị đơn bà Thái Thị T trình bày: Ngày 17/8/2015, bà có ký Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033 với Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V để vay số tiền 42.200.000 đồng, lãi suất 2.92%/tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 68.722.000 đồng, trả chậm trong 36 tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.909.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.907.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu là ngày 20/9/2015.

Sau khi vay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng V được 03 lần với tổng số tiền 5.727.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên từ ngày 10/01/2016 cho đến nay, bà T chưa thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng V theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bà T thừa nhận hiện nay bà còn

nợ của Ngân hàng V số tiền 54.271.545 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T đồng ý thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 54.271.545 đồng. Tuy nhiên, bà T đề nghị được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Về việc bà T yêu cầu được trả dần mỗi tháng với số tiền là 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ, Ngân hàng V không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/4/2017, bà Thái Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 17/8/2015, giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V và bà Thái Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033 và phần phê duyệt của V thể hiện bà T vay của Ngân hàng V số tiền 42.200.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.92%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 36 tháng. Theo thỏa thuận thì bà T có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi là 68.722.000 đồng, trả chậm trong 36 tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.909.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.907.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu là ngày 20/9/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng V được 03 lần với số tiền 5.727.000 đồng. Hiện nay, bà T còn nợ của nguyên đơn số tiền 54.271.545 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ tới hạn là 26.726.000 đồng (gốc 12.560.040 đồng, lãi 14.165.960 đồng) và khoản nợ gốc chưa tới hạn là 27.165.960 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng, bảng tính lãi và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy: Hợp đồng tín dụng trả góp số 20150819-500002-0033 ngày 17/8/2015 được hai bên tự nguyện ký kết. Mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033 có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Ngày 17/8/2015, bà T vay của Ngân hàng V số tiền 42.200.000 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 68.722.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong thời hạn 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.909.000 đồng,

tháng cuối cùng trả 1.907.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu là ngày 20/9/2015. Đến nay, bà T đã trả được 5.727.000 đồng, còn nợ lại 54.271.545 đồng. Ngân hàng V yêu cầu bà T phải trả khoản nợ 54.271.545 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ tới hạn là 26.726.000 đồng (gốc 12.560.040 đồng, lãi 14.165.960 đồng) và khoản nợ gốc chưa tới hạn là 27.165.960 đồng. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn thống nhất và thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc như phía nguyên đơn trình bày và đồng ý trả số tiền 54.271.545 đồng, tuy nhiên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Về đề nghị này của bị đơn không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 54.271.545 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V và bà Thái Thị T không ký hợp đồng bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân. Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp bất cứ hợp đồng bảo hiểm nào để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết và cho rằng Hợp đồng tín dụng số 20150819-500002-0033 ngày 17/8/2015 giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V và bà Thái Thị T không ký hợp đồng bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa Công ty Cổ phần Bảo hiểm A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 147, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005);

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V đối với bị đơn bà Thái Thị T về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Thái Thị T phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền 54.271.545 đồng (năm mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Thái Thị T phải chịu 2.713.577 đồng (hai triệu bảy trăm mười ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền 1.356.789 đồng (một triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0006688 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đậu Thị Thảo